TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ B** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1593/2024/QĐST-VHNGĐ	*B, ngày 29 tháng 10 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 2269/2024/TLST-VHNGĐ, ngày 14/10/2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông **Trần Trung H**, sinh năm 1992.

Địa chỉ thường trú: Xóm Nhất Trí, xã Yên Lãng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên.

Địa chỉ tạm trú: Tổ 36, khu phố 8, phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1991.

Địa chỉ thường trú: Tổ 36, khu phố 8, phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trung H và bà Nguyễn Thị H tự nguyện tìm hiểu nhau, có làm thủ tục đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân phường Hố Nai, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 247/2022 cấp ngày 24/10/2022 nên căn cứ Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Nay ông Hiếu và bà Hương xác định vợ chồng có mâu thuẫn, không còn tình cảm với nhau nên yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống ông H và bà H có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn An Nhi, sinh ngày 08/6/2021 và Trần Nguyễn Gia Hân, sinh ngày 25/8/2022. Ly hôn, ông Hiếu và bà Hương thỏa thuận giao 02 con chung cho bà Hương trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Hiếu không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Trần Trung H và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ ông Hiếu và bà Hương đã nộp theo biên lai thu số 0000873 ngày 01/10/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 21 tháng 10 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Trung H và bà Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông Trần Trung H và bà Nguyễn Thị H có 02 con chung là cháu Trần Nguyễn An Nh, sinh ngày 08/6/2021 và cháu Trần Nguyễn Gia Hân, sinh ngày 25/8/2022. Ly hôn, ông Trần Trung Hiếu và bà Nguyễn Thị Hương thỏa thuận giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thị Hương trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời, ông Trần Trung Hiếu không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Trần Trung H được quyền đi lại thăm nom con không ai cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về lệ phí: Ông Trần Trung H và bà Nguyễn Thị H mỗi người phải chịu 150.000đ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đ ông Trần Trung H và bà Nguyễn Thị H đã nộp theo biên lai thu số 0000873 ngày 01/10/2024 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố B;
- Chi cục THADS Tp.B;
- UBND nơi ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Đào